

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt tại Quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của Chủ tịch UBND xã Đồng Tâm thuộc dự án Tăng cường khả năng thoát lũ Suối Rạt

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐỒNG TÂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai ngày 18/01/2024, Luật Nhà ở ngày 27/11/2023, Luật Kinh doanh bất động sản ngày 28/11/2023 và Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội về việc quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Nông nghiệp và PTNT: số 3327/QĐ-BNN-KH ngày 23/7/2021, số 2262/QĐ-BNN-KH ngày 09/6/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 2713/QĐ-BNN-XD ngày 06/7/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về việc thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất năm

2024, hủy danh mục các dự án không thực hiện và danh mục các dự án thu hồi đất quá 03 năm chưa thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 1372/QĐ-UBND ngày 28/07/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc giao kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Công văn số 523/UBND-KT ngày 21/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và nội dung quy mô dự án: Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Công văn số 773/UBND-KT ngày 10/03/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc cam kết bố trí vốn thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 1747/QĐ-UBND ngày 10/6/2025 của UBND huyện Đồng Phú về việc Ban hành kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm thực hiện Dự án: Tăng cường khả năng thoát lũ Suối Rạt, đoạn đi qua huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ Thông báo số 01b/TTPTQĐ.CNĐP ngày 02/5/2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Đồng Phú về việc thông báo niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ của dự án Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt;

Căn cứ biên bản số 01c/BB-TTPTQĐ.CNĐP ngày 11/5/2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Đồng Phú về việc kết thúc niêm yết công khai dự thảo phương án chi tiết phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt;

Căn cứ biên bản số 02/BB-TTPTQĐ.CNĐP ngày 12/5/2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Đồng Phú về việc thông qua phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt;

Căn cứ Nghị quyết 27/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc quy định tiêu chí xác định khu vực, vị trí đất trong Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành quy định Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2267/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Đồng Phú (được điều chỉnh tại Quyết định số 1237/QĐ-UBND ngày 17/6/2025);

Căn cứ Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Đồng Phú được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 560/QĐ-UBND ngày 10/3/2025 (được điều chỉnh tại Quyết định số 1449/QĐ-UBND ngày 27/6/2025);

Căn cứ Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền

hạn giữa Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh, Trung tâm phát triển quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất, bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 06/4/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Công văn số 1274/STC-VP ngày 31/7/2025 của Sở Tài chính về việc tham mưu hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và xác định cơ quan tham mưu lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

Căn cứ Công văn số 4053/UBND-KTNS ngày 27/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc áp dụng các quy định về đơn giá bồi thường thiệt hại nhà, công trình xây dựng và giá bồi thường tài sản vật kiến trúc của 02 tỉnh Đồng Nai (cũ) và Bình Phước (cũ);

Căn cứ Công văn số 1951/UBND-KTNS ngày 29/7/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của 02 tỉnh Đồng Nai (cũ) và Bình Phước (cũ) sau khi sắp xếp;

Căn cứ Công văn số 958/SoNNMT-ĐĐ ngày 21/7/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai về việc áp dụng các quy định về chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của 02 tỉnh Đồng Nai (cũ) và Bình Phước (cũ);

Căn cứ Công văn số 1271/UBND-KTNS ngày 21/7/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc áp dụng Bảng giá đất kể từ ngày 01/7/2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Công văn số 1866/SoXD-QLHD&VLXD ngày 26/8/2025 của Sở Xây dựng về việc áp dụng các quy định về đơn giá bồi thường thiệt hại, công trình xây dựng và giá bồi thường tài sản vật kiến trúc của 02 tỉnh Đồng Nai (cũ) và Bình Phước (cũ);

Căn cứ Công văn số 7938/SoNNMT-ĐĐ ngày 05/11/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc xử lý kiến nghị của UBND xã Nha Bích, UBND phường Đồng Xoài về hướng dẫn xác định đối tượng hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 4490/QĐ-SoXD ngày 29/4/2026 của Sở Xây dựng về việc công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai tháng 04 năm 2026.

Căn cứ Báo cáo 30/BC-STC ngày 08/5/2026 của Sở Tài Chính về tình hình giá thị trường tháng 4 năm 2026;

Căn cứ Thông báo số 51/TB-VPĐK.ĐP ngày 08/5/2026 của Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Đồng Nai – Chi nhánh Đồng Phú về kết quả thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin, hồ sơ dữ liệu đất đai;

Căn cứ Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của Chủ tịch UBND xã về việc phê duyệt giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất và Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Tăng cường khả năng thoát lũ Suối Rạt (được điều chỉnh bổ sung tại Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 10/02/2026 của UBND xã Đồng Tâm);

Căn cứ Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của Chủ tịch UBND xã về việc phân công nhiệm vụ cụ thể Chủ tịch, các Phó chủ tịch và các Ủy viên Ủy ban nhân dân xã Đồng Tâm, nhiệm kỳ 2026 -2031;

Căn cứ Bản đồ thu hồi đất, bản trích lục các thửa đất thu hồi; Thông báo thu hồi đất các thửa đất; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các thửa đất; Biên bản kiểm kê hiện trạng từng thửa đất; xác nhận của UBND xã Đồng Tâm về nguồn gốc đất, tình trạng sử dụng đất;

Theo đề nghị của của Trung tâm PTQĐ Chi nhánh Đồng Phú tại Công văn số 57a/TTPTQĐ.CNĐP ngày 14/5/2026; đề nghị của Trưởng Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 433/TTr-PKT ngày 15 tháng 5 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thuộc Dự án Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt đoạn qua địa bàn xã Đồng Tâm, bao gồm:

1. Phương án bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với Dự án: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thuộc Dự án Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt đoạn qua địa bàn xã Đồng Tâm theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất: 14 hộ gia đình, cá nhân (14 thửa đất).

(Có Phương án bồi thường, hỗ trợ kèm theo)

2. Phương án chi tiết bổ sung bồi thường, hỗ trợ đối với 14 hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất (14 thửa đất) để thực hiện dự án: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thuộc Dự án Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt đoạn qua địa bàn xã Đồng Tâm theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất:

(Có phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ đối với từng hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi kèm theo).

Điều 2. Nhiệm vụ, trách nhiệm của các bên có liên quan:

1. Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Đồng Phú có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Phòng Kinh tế xã Đồng Tâm, BQL ấp Cầu Rạt phổ biến, niêm yết công khai Quyết định này tại Trụ sở UBND xã Đồng Tâm, nhà văn hóa ấp Cầu Rạt đảm bảo theo đúng quy định.

b) Trực tiếp giao Quyết định này đến từng hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có) (Có Biên bản giao nhận cụ thể); trường hợp hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có) không nhận Quyết định này hoặc vắng mặt thì phải lập Biên bản cụ thể.

c) Chủ trì, phối hợp với Phòng Kinh tế Đồng Tâm tiến hành rà soát lại toàn bộ thành phần hồ sơ, số liệu kiểm kê áp giá, trình tự, thủ tục liên quan đến nội dung phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung tại Quyết định này, đảm bảo đúng, đủ theo quy định; Chỉ được thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ khi đảm bảo đúng, đủ điều kiện, trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật hiện hành.

d) Tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có) theo phương án được phê duyệt trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

e) Tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án, đảm bảo đúng quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành;

f) Chịu trách nhiệm về kết quả điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm; niêm yết, công khai phương án bồi thường, hỗ trợ; trình tự, thủ tục, các số liệu, nội dung và thành phần hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

g) Thực hiện lưu trữ hồ sơ, chứng từ gốc và các văn bản có liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ của Dự án theo đúng quy định.

2. Phòng Kinh tế:

Chịu trách nhiệm về nội dung, số liệu, kết quả thẩm định phương án giá đất cụ thể, phương án bồi thường, hỗ trợ và trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

3. Phòng Văn hóa – Xã hội

Đăng tải Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của xã Đồng Tâm.

4. Ban Quản lý dự án – Đầu tư xây dựng thành phố Đồng Nai:

Có trách nhiệm đảm bảo nguồn kinh phí để thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ theo quy định

5. Ban quản lý ấp Cầu Rạt:

a) Phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất chi nhánh Đồng Phú thực hiện niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung này tại Nhà văn hóa ấp

b) Tuyên truyền, thông tin rộng rãi trên các nhóm zalo khu dân cư, thông báo tại các buổi sinh hoạt ấp,... để Nhân dân trên địa bàn nắm bắt đầy đủ các thông tin, nội dung liên quan dự án, đồng thời thực hiện tốt công tác bàn giao mặt bằng theo phương án đã được phê duyệt.

6. Các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có) có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị có liên quan và UBND xã Đồng Tâm thực hiện đúng, đủ các nội dung quy định của pháp luật trong quá trình thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng thực hiện dự án.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các ông (bà): Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng Phòng Kinh tế, Trưởng Phòng Văn hóa – Xã hội, Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng thành phố Đồng Nai, Giám đốc Trung tâm PTQĐ Chi nhánh Đồng Phú, Ban quản lý ấp Cầu Rạt; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi tại Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố Đồng Nai;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- CT, các PCT.UBND xã;
- Như Điều 4;
- Lưu: VT, PKT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Chí Thường

PHƯƠNG ÁN

Bổ sung kinh phí Bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt đoạn qua địa bàn xã Đồng Tâm,
(Kèm theo Quyết định số 1017/QĐ-UBND ngày 16/5/2026 của UBND xã)

I. Căn cứ pháp lý xây dựng phương án:

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai ngày 18/01/2024, Luật Nhà ở ngày 27/11/2023, Luật Kinh doanh bất động sản ngày 28/11/2023 và Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội về việc quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Nông nghiệp và PTNT: số 3327/QĐ-BNN-KH ngày 23/7/2021, số 2262/QĐ-BNN-KH ngày 09/6/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 2713/QĐ-BNN-XD ngày 06/7/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về việc thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2024, hủy danh mục các dự án không thực hiện và danh mục các dự án thu hồi đất quá 03 năm chưa thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 1372/QĐ-UBND ngày 28/07/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc giao kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Công văn số 523/UBND-KT ngày 21/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và nội dung quy mô dự án: Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Công văn số 773/UBND-KT ngày 10/03/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc cam kết bố trí vốn thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 1747/QĐ-UBND ngày 10/6/2025 của UBND huyện Đồng Phú về việc Ban hành kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm thực hiện Dự án: Tăng cường khả năng thoát lũ Suối Rạt, đoạn đi qua huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ Thông báo số 01b/TTPTQĐ.CNĐP ngày 02/5/2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Đồng Phú về việc thông báo niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ của dự án Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt;

Căn cứ biên bản số 01c/BB-TTPTQĐ.CNĐP ngày 11/5/2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Đồng Phú về việc kết thúc niêm yết công khai dự thảo phương án chi tiết phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt;

Căn cứ biên bản số 02/BB-TTPTQĐ.CNĐP ngày 12/5/2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Đồng Phú về việc thông qua phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt;

Căn cứ Nghị quyết 27/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc quy định tiêu chí xác định khu vực, vị trí đất trong Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành quy định Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2267/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Đồng Phú (được điều chỉnh tại Quyết định số 1237/QĐ-UBND ngày 17/6/2025);

Căn cứ Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Đồng Phú được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 560/QĐ-UBND ngày 10/3/2025 (được điều chỉnh tại Quyết định số 1449/QĐ-UBND ngày 27/6/2025);

Căn cứ Quyết định số 44/2024/NĐ-UBND ngày 29/11/2024 của UBND tỉnh Bình Phước về việc Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh, Trung tâm phát triển quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất, bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 06/4/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Công văn số 1274/STC-VP ngày 31/7/2025 của Sở Tài chính về việc tham mưu hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và xác định cơ quan tham mưu lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

Căn cứ Công văn số 4053/UBND-KTNS ngày 27/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc áp dụng các quy định về đơn giá bồi thường thiệt hại nhà, công trình xây dựng và giá bồi thường tài sản vật kiến trúc của 02 tỉnh Đồng Nai (cũ) và Bình Phước (cũ);

Căn cứ Công văn số 1951/UBND-KTNS ngày 29/7/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của 02 tỉnh Đồng Nai (cũ) và Bình Phước (cũ) sau khi sắp xếp;

Căn cứ Công văn số 958/SoNNMT-ĐĐ ngày 21/7/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai về việc áp dụng các quy định về chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của 02 tỉnh Đồng Nai (cũ) và Bình Phước (cũ);

Căn cứ Công văn số 1271/UBND-KTNS ngày 21/7/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc áp dụng Bảng giá đất kể từ ngày 01/7/2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Công văn số 1866/SoXD-QLHD&VLXD ngày 26/8/2025 của Sở Xây dựng về việc áp dụng các quy định về đơn giá bồi thường thiệt hại, công trình xây dựng và giá bồi thường tài sản vật kiến trúc của 02 tỉnh Đồng Nai (cũ) và Bình Phước (cũ);

Căn cứ Công văn số 7938/SoNNMT-ĐĐ ngày 05/11/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc xử lý kiến nghị của UBND xã Nha Bích, UBND phường Đồng

Xoài về hướng dẫn xác định đối tượng hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 4490/QĐ-SoXD ngày 29/4/2026 của Sở Xây dựng về việc công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai tháng 04 năm 2026.

Căn cứ Báo cáo 30/BC-STC ngày 08/5/2026 của Sở Tài Chính về tình hình giá thị trường tháng 4 năm 2026;

Căn cứ Thông báo số 51/TB-VPĐK.ĐP ngày 08/5/2026 của Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Đồng Nai – Chi nhánh Đồng Phú về kết quả thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin, hồ sơ dữ liệu đất đai;

Căn cứ Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của Chủ tịch UBND xã về việc phê duyệt giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất và Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Tăng cường khả năng thoát lũ Suối Rạt (được điều chỉnh bổ sung tại Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 10/02/2026 của UBND xã Đồng Tâm);

Căn cứ Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của Chủ tịch UBND xã về việc phân công nhiệm vụ cụ thể Chủ tịch, các Phó chủ tịch và các Ủy viên Ủy ban nhân dân xã Đồng Tâm, nhiệm kỳ 2026 -2031;

Căn cứ Bản đồ thu hồi đất, bản trích lục các thửa đất thu hồi; Thông báo thu hồi đất các thửa đất; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các thửa đất; Biên bản kiểm kê hiện trạng từng thửa đất; xác nhận của UBND xã Đồng Tâm về nguồn gốc đất, tình trạng sử dụng đất;

Công văn số 57a/TTPTQĐ.CNĐP ngày 14/5/2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Đồng Phú về việc thẩm định, trình phê duyệt Phương án bổ sung bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất bị thiệt hại của các hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án: Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt, đoạn đi qua địa bàn xã Đồng Tâm;

II. Nội dung phương án bồi thường, hỗ trợ:

1. Tổng số hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng thu hồi đất thực hiện dự án trình phê duyệt bổ sung: 14 hộ gia đình, cá nhân với 14 thửa đất thu hồi.

2. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi; số lượng, giá trị hiện có của tài sản gắn liền với đất bị thu hồi:

- Tổng số hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng thu hồi đất thực hiện dự án trình phê duyệt bổ sung: 14 hộ gia đình, cá nhân với 14 thửa đất thu hồi.

- Diện tích đất thu hồi thực hiện dự án: 19.185m².

- Vị trí đất thu hồi: tờ TĐ41-2024 gồm các thửa: 20, 21, 22, 25, Tờ TĐ42-2024 gồm các thửa: 2, 6, 7, 9, 15, 16, 17, 18, 19, 20 (Bản đồ GPMB thực hiện dự án đã được Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt), tại xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai.

- Loại đất thu hồi: Đất trồng cây lâu năm

- Nguồn gốc đất thu hồi: Đã được UBND xã Đồng Tâm xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng đất.

- Số lượng, khối lượng, giá trị hiện có của tài sản gắn liền với đất bị thu hồi: Theo Biên bản kiểm kê hiện trạng do Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Đồng

Phù lập, đã được UBND xã Đồng Tâm xác nhận có thực hiện kiểm kê hiện trạng thực tế tại thửa đất thu hồi.

3. Về hồ sơ, trình tự thực hiện công tác giải phóng mặt bằng

Qua kiểm tra hồ sơ và quy trình triển khai, công tác giải phóng mặt bằng đối với các thửa đất nêu trên đảm bảo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật Đất đai năm 2024, Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ.

4. Đối tượng được bồi thường, hỗ trợ

Về đối tượng được bồi thường, hỗ trợ: Đã được các cơ quan chuyên môn kiểm tra, rà soát, xác minh thông tin (*đối tượng đang sử dụng và có nguồn thu nhập trên diện tích đất thu hồi được UBND xã phối hợp Hội Nông dân xã xác nhận; đối tượng chính sách được Phòng Văn hóa – Xã hội nơi chủ sử dụng đất thường trú xác nhận; Bảo hiểm xã hội cơ sở Bình Phước phối hợp rà soát cung cấp các trường hợp thuộc đối tượng hưởng lương thường xuyên hoặc không hưởng lương thường xuyên; số nhân khẩu và thông tin nhân thân trong hộ gia đình cá nhân có đất thu hồi được Công an xã nơi thường trú xác nhận*).

5. Đơn giá bồi thường, hỗ trợ

5.1. Đơn giá bồi thường về nhà, công trình xây dựng

Áp dụng theo quy định tại Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất, bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

5.2. Đơn giá bồi thường cây trồng

Áp dụng đơn giá theo Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (được bổ sung, sửa đổi tại Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai).

5.3. Hỗ trợ ổn định đời sống

Áp dụng theo quy định tại Điều 10 Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

5.4. Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

Áp dụng theo quy định tại Điều 109 Luật Đất đai năm 2024; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; khoản 1 Điều 13 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai

5.5. Khen thưởng:

Áp dụng khoản 4 Điều 15 Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Đến thời điểm hiện tại, Phòng Kinh tế chưa nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu chứng minh việc bàn giao mặt bằng trước thời hạn của các hộ gia đình và cá nhân có liên quan từ TTPTQĐ chi nhánh Đồng Phú. Do đó, chưa có đủ căn cứ pháp lý để thẩm định nội dung khen thưởng theo quy định.

6. Tổng chi phí bổ sung bồi thường, hỗ trợ và chi phí đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ: 3.624.009.029đồng.

(Bằng chữ: Ba tỷ, sáu trăm hai mươi bốn triệu, không trăm linh chín nghìn, không trăm hai mươi chín đồng).

Trong đó:

a) Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ: 3.552.950.029 đồng.

(Bằng chữ: Ba tỷ, năm trăm năm mươi hai triệu, chín trăm năm mươi nghìn, không trăm hai mươi chín đồng), cụ thể:

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Bồi thường, hỗ trợ về cây trồng	352.802.689
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	3.174.227.340
3	Hỗ trợ ổn định đời sống	25.920.000
4	Khen thưởng	0
Tổng cộng (1+2+3+4)		3.552.950.029

b) Chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ:

Chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ là 2% trên tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ (theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định số 08/2025/NĐ-UBND ngày 10/02/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai; Điều 15 Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai), cụ thể:

Tổng chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ: 3.552.950.029 x 2 % = 71.059.000 đồng (bằng chữ: Bảy mươi mốt triệu không trăm năm mươi chín nghìn)

7. Phương án chi tiết bổ sung bồi thường, hỗ trợ đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản:

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất (kèm theo phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ từng hộ gia đình, cá nhân).

8. Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung:

Việc tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ dự án được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 87 Luật Đất đai năm 2024.

Triển khai công tác chi trả bồi thường, hỗ trợ theo quy định tại Điều 94 Luật Đất đai năm 2024 và Điều 25 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ.

9. Nguồn kinh phí thực hiện:

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Đồng Nai đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định.

10. Các nội dung khác liên quan đến bồi thường, hỗ trợ (nếu có):

Sau khi phương án bồi thường, hỗ trợ được UBND xã Đồng Tâm phê duyệt, Trung tâm PTQĐ Chi nhánh Đồng Phú có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Đồng Tâm thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân trong vòng 30 ngày kể từ ngày quyết định có hiệu lực bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản./.

BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT CỦA TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN
Phục vụ công tác GPMB để thực hiện dự án Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt;
(Kèm theo Quyết định số 1017/QĐ-UBND ngày 16/5/2026 của UBND xã)

STT	Họ tên, địa chỉ người sử dụng đất		Diện tích đất thu hồi			Kết quả thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung					
	Họ tên	Địa chỉ thường trú	Tờ BD	Số thửa	Diện tích (m ²)	Tiền bồi thường cây trồng	Tiền bồi thường chi phí di chuyển chỗ ở	tiền hỗ trợ ổn định đời sống	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Tiền khen thưởng	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ
1	ông Đinh Minh Khang	Khu phố Phú Xuân, phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai.	TĐ 41-2024	21	63.7	0	0	810,000	0	0	810,000
2	ông Đoàn Minh Tuyên và bà Đỗ Thị Nhân	Ấp Cầu Rạt, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai.	TĐ 41-2024	25	379.0	0	0	1,620,000	0	0	1,620,000
3	ông Trần Minh Dũng	Khu phố Phước An, phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai	TĐ42-2024	19	1,647.2	6,452,403	0	810,000	476,652,150	0	483,914,553
4	ông Trần Công Duy	Khu phố Phước An, phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai	TĐ42-2024	18	1,650.2	19,805,852	0	810,000	0	0	20,615,852
5	bà Nguyễn Thị Lý cùng chồng là ông Giang Xuân Sơn	Khu phố Phú Xuân, phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai	TĐ42-2024	15	489.9	16,384,680	0	1,620,000	0	0	18,004,680
6	hộ bà Trần Thị Thanh Xuân	Ấp Cầu Rạt, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai	TĐ42-2024	17	449.1	17,664,810	0	810,000	105,089,400	0	123,564,210
7	hộ bà Nguyễn Thị Bưởi	Ấp Cầu Rạt, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai	TĐ42-2024	9	2,341.4	60,684,000	0	5,670,000	547,887,600	0	614,241,600
8	hộ bà Trần Thị Liên cùng chồng là ông Phạm Quang Tuyên	Khu phố Tân Đồng 3, phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai	TĐ42-2024	7	5,884.9	100,128,600	0	5,670,000	797,992,440	0	903,791,040
9	ông Lê Văn Minh cùng vợ là bà Nguyễn Thị Diệu	Tổ 1, Khu phố Tân Trà, phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai	TĐ42-2024	2	4,062.4	98,308,080	0	1,620,000	1,096,611,750	0	1,196,539,830
10	ông Phạm Văn Thương	Khu phố Tân Đồng 3, phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai	TĐ42-2024	6	413.7	9,102,600	0	810,000	121,007,250	0	130,919,850
11	ông Hồ Sỹ Song	Ấp Cầu Rạt, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai.	TĐ42-2024	20	684.7	0	0	810,000	0	0	810,000
12	ông Lý Thế Phương	phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai.	TĐ42-2024	16	577.5	0	0	810,000	0	0	810,000
13	Bà Đinh Thị Thúy Nhân	Khu phố Phú Xuân, phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai	TĐ41-2024	22	441.7	18,551,400	0	810,000	0	0	19,361,400

14	Hộ bà Vũ Thị Hương cùng chồng là ông Nguyễn Văn Thao	Áp cầu rặt, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai	TĐ41-2024	20	99.1	5,720,264	0	3,240,000	28,986,750	0	37,947,014
TỔNG				14 Thừa	19,185	352,802,689	0	25,920,000	3,174,227,340	0	3,552,950,029

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐỒNG TÂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT

Bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất đối với hộ bà Vũ Thị Hương cùng chồng là ông Nguyễn Văn Thao
thuộc dự án Tăng cường khả năng Thoát lũ Suối Rạt

Vị trí đất: Ấp Cầu Rạt, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai

(Kèm theo Quyết định số 1017/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2026 của UBND xã)

Mã phương án: 18/PACT-SR.BP-BSL1

1) Tên chủ sử dụng đất:

Họ tên: Hộ bà Vũ Thị Hương; năm sinh: 1975; CCCD số: 036175017943

cùng chồng là ông Nguyễn Văn Thao; năm sinh: 1974; CCCD số: 070074003719

Địa chỉ thường trú: Ấp cầu rạt, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai

2) Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi:

a.) Vị trí đất: Ấp Phước Tâm, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai

- Thông báo thu hồi đất số: 810/TB-UBND ngày 19/8/2025.

- Tờ bản đồ số: TĐ41-2024

- Thửa số: 20

b.) Diện tích đất thu hồi: 99,1 m²

c) Loại đất (MĐSDĐ): Đất trồng cây lâu năm.

d) Đơn giá bồi thường hỗ trợ bổ sung:

* Hỗ trợ ổn định đời sống: Áp dụng theo quy định tại Điều 10 Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

* hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Thực hiện theo Điều 109 Luật Đất đai năm 2024; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; khoản 1 Điều 13 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai

* Đơn giá bồi thường cây trồng:

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định về đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung một số điều của QĐ 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

e) Nguồn gốc đất: Có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CC 820231 do UBND huyện Đồng Phú cấp ngày 16/6/2016.

- Thửa đất số: 19

- Tờ bản đồ số: 32

- Diện tích thửa đất 741,1 m²

II. Giá trị bồi thường, hỗ trợ bổ sung:

II. Giá trị bồi thường, hỗ trợ bổ sung:

1. Giá trị bồi thường về đất: Đã phê duyệt tại Quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 (được điều chỉnh bổ sung tại Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 10/02/2026 của UBND xã Đồng Tâm										
TT	Tờ BD	Số thửa	DT đất thu hồi (m ²)		Đơn giá đất BT(đồng/m ²)		Giá trị bồi thường về đất (đồng)			Ghi chú
			ONT	CLN	ONT	CLN	Tiền bồi thường	Tiền bồi thường	Tổng tiền bồi thường về đất	

			<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d</i>	<i>e = a*c</i>	<i>g=b*d</i>	<i>h = e+g</i>	
1	TĐ42-2024	20				171,000		0	0	Căn cứ thông báo số 426/TB-VPĐK.ĐP ngày 13/11/2025 của chi nhánh VPĐK ĐĐ Chi nhánh Đồng Phú xác định vị trí đất thuộc vị trí 2, phạm vi 1
2. Giá trị bồi thường cây trồng										5,720,264
TT	Loại cây trồng		Số lượng (cây)	Số lượng cây bồi thường	Năm trồng, quy cách	Đơn giá	Tiền BT	Ghi chú		
				<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d=a*c</i>			
1	Si		20	20	2019 (<i>d= 3 - 6cm</i>)	233,000	4,660,000	cây trồng bờ ranh suối		
2	Sung cánh		3	3	2019 <i>d= 6-9 cm</i>	233,000	699,000			
3	Dầu (nhóm 2)		1	1	2019 <i>d = 6 -9 cm</i>	361,264	361,264			
3. Giá trị hỗ trợ nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc										-
STT	Loại nhà		Diện tích		Đơn giá		Thành tiền	Ghi chú		
			<i>a</i>		<i>b</i>		<i>c=a*b</i>			
1	Không có công trình xây dựng									
4. Giá trị hỗ trợ ổn định đời sống:										3,240,000
TT	Tổng số nhân khẩu	Số tháng hỗ trợ/ 1 nhân khẩu	Số gạo hỗ trợ trong 1 tháng (kg)	Đơn giá gạo (đ/kg)	Giá trị hỗ trợ (đồng)		Ghi chú			
	<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d</i>	<i>e = a*b*c*d</i>					
1	4	3	15	18,000	3,240,000		Căn cứ giấy xác nhận số 71/UBND-KT ngày 15/10/2025 hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ ổn định đời sống; hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, Hộ bà Vũ Thị Hương cùng chồng là ông Nguyễn Văn Thao có diện tích đất nông nghiệp thuộc trường hợp thu hồi đất dưới 30% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn xã Đồng Tâm và không phải di chuyển chỗ ở. * Căn cứ GXN nhân khẩu của công an xã Đồng Tâm			
5. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm										28,986,750
TT	Tờ BD	Số thửa	Diện tích đất CLN	Đơn giá theo Bảng giá đất	Hệ số hỗ trợ (lần)	Giá trị hỗ trợ		Ghi chú		
			<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d=a*b*c</i>				

1	TĐ41-2024	20	99.10	195,000	1.5	28,986,750	Căn cứ giấy xác nhận số 71/UBND-KT ngày 15/10/2025 hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ ổn định đời sống; hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hộ bà Vũ Thị Hương cùng chồng là ông Nguyễn Văn Thao đang sử dụng và có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất thu hồi. Đồng thời không thuộc đối tượng tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP. *Căn cứ thông báo số 51/TB-VPĐK.ĐP ngày 08/5/2026 về kết quả thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin, hồ sơ dữ liệu đất đai xác định thửa đất thu hồi thuộc vị trí 1, phạm vi 1 khu vực nông thôn, loại đường giao thông nông thôn đầu nối trục đường ĐT 753 phạm vi 200 - toàn tuyến.
6. Tổng số kinh phí bồi thường, hỗ trợ bổ sung							37,947,014

(Số tiền bằng chữ: Ba mươi bảy triệu, chín trăm bốn mươi bảy nghìn, không trăm mười bốn đồng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Kèm theo Quyết định số 1017/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2026 của UBND xã)

1. Giá trị bồi thường về đất: Đã phê duyệt tại Quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 (được điều chỉnh bổ sung tại Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 10/02/2026 của UBND xã Đồng Tâm										
TT	Tờ BD	Số thửa	DT đất thu hồi (m ²)		Đơn giá đất BT(đồng/m ²)		Giá trị bồi thường về đất (đồng)			Ghi chú
			ONT	CLN	ONT	CLN	Tiền bồi thường đất ở	Tiền bồi thường đất NN	Tổng tiền bồi thường về đất	
2. Giá trị bồi thường cây trồng										
TT	Loại cây trồng		Số lượng (cây)	Số lượng cây bồi thường	Năm trồng, quy cách	Đơn giá	Tiền BT	Ghi chú		
				<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d=a*c</i>			
	Đất trống		0	0	0	-	-			
3. Giá trị hỗ trợ nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc										

STT	Loại nhà		Diện tích		Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
			a		b	$c=a*b$	
1	Không có công trình xây dựng						
4. Giá trị hỗ trợ ổn định đời sống						810,000	
TT	Tổng số nhân khẩu	Số tháng hỗ trợ/ 1 nhân khẩu	Số gạo hỗ trợ trong 1 tháng (kg)	Đơn giá gạo (đ/kg)	Giá trị hỗ trợ (đồng)	Ghi chú	
	a	b	c	d	$e = a*b*c*d$		
1	1	3	15	18,000	810,000	Căn cứ công văn số 85/UBND-KT ngày 15/10/2025 của UBND xã Đồng Tâm xác nhận ông Đinh Minh Khang thuộc trường hợp thu hồi đất dưới 30% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn xã Đồng Tâm và không phải duy chuyển chỗ ở *Căn cứ báo cáo số 30/BC-STC ngày 08/5/2026 của Sở Tài chính.	
5. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm							0
TT	Tờ BD	Số thửa	Diện tích đất CLN	Đơn giá theo Bảng giá đất	Hệ số hỗ trợ (lần)	Giá trị hỗ trợ	Ghi chú
			a	b	c	$d=a*b*c$	
1	TĐ41-2024	21	63.70	0	0	0	Căn cứ công văn số 85/UBND-KT ngày 15/10/2025 của UBND xã Đồng Tâm xác nhận ông Đinh Minh Khang là đang sử dụng và không có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất thu hồi (hiện trạng đất trống)
6. Tổng số kinh phí bồi thường, hỗ trợ bổ sung							810,000

(Số tiền bằng chữ: Tám trăm mười nghìn)

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐỒNG TÂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT

Bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất đối với ông Đoàn Minh Tuyên
thuộc dự án Tăng cường khả năng Thoát lũ Suối Rạt
Vị trí đất: Ấp Cầu Rạt, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai
(Kèm theo Quyết định số 1017/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2026)

Mã phương án: 21/PACT-SR.BP-BSL1

1) Tên chủ sử dụng đất:

Họ tên: ông Đoàn Minh Tuyên; năm sinh: 1957; CCCD số: 034057014877

Bà: Đỗ Thị Nhân; năm sinh: 1959 ; CCCD số: 034159022208

Địa chỉ thường trú: Ấp Cầu Rạt, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai.

2) Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi:

a) Vị trí đất: Ấp Cầu Rạt, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai.

- Thông báo thu hồi đất số: 883/TB-UBND ngày 27/8/2025 của UBND xã Đồng Phú.

- Tờ bản đồ số: TĐ41-2024

- Thửa số: 25

b) Diện tích đất thu hồi: 379,0 m²

c) Loại đất (MĐSDĐ): Đất trồng cây lâu năm.

d) Đơn giá bồi thường hỗ trợ bổ sung:

* Hỗ trợ ổn định đời sống: Áp dụng theo quy định tại Điều 10 Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

* hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Thực hiện theo Điều 109 Luật Đất đai năm 2024; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; khoản 1 Điều 13 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai

* Đơn giá bồi thường cây trồng:

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định về đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung một số điều của QĐ 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

e) Nguồn gốc đất: Có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: E 838927 do UBND huyện Đồng Phú, cấp ngày 23/5/1995 (thửa 25, tờ 32 (nay là tờ 282) Bản đồ địa chính đo đạc năm 2024.

- Thửa đất số: 25

- Tờ bản đồ số: 32

- Diện tích thửa đất 2.352,0 m²

II. Giá trị bồi thường, hỗ trợ bổ sung:

1. Giá trị bồi thường về đất: Đã phê duyệt tại Quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 (được điều chỉnh bổ sung tại Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 10/02/2026 của UBND xã Đồng Tâm

TT	Tờ BĐ	Số	DT đất thu hồi (m ²)	Đơn giá đất BT(đồng/m ²)	Giá trị bồi thường về đất (đồng)	Ghi chú
----	-------	----	-------------------------------------	--------------------------------------	----------------------------------	---------

		thửa	ONT	CLN	ONT	CLN	Tiền bồi thường	Tiền bồi thường	Tổng tiền bồi	
			<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d</i>	<i>e = a*c</i>	<i>g=b*d</i>	<i>h = e+g</i>	
1	TĐ41-2024	25				338,000		0	0	Căn cứ thông báo số 426/1B-VPĐK.ĐP ngày 13/11/2025 của chi nhánh VPĐK ĐĐ Chi nhánh
2. Giá trị bồi thường cây trồng										0
TT	Loại cây trồng		Số lượng (cây)	Số lượng cây bồi thường	Năm trồng, quy cách	Đơn giá	Tiền BT	Ghi chú		
				<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d=a*c</i>			
	Đất trồng		0	0	0	-	-			
3. Giá trị hỗ trợ nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc										0
STT	Loại nhà		Diện tích		Đơn giá		Thành tiền	Ghi chú		
			<i>a</i>		<i>b</i>		<i>c=a*b</i>			
1	Không có công trình xây dựng									
4. Giá trị hỗ trợ ổn định đời sống										1,620,000
TT	Tổng số nhân khẩu	Số tháng hỗ trợ/ 1 nhân khẩu	Số gạo hỗ trợ trong 1 tháng (kg)	Đơn giá gạo (đ/kg)	Giá trị hỗ trợ (đồng)	Ghi chú				
	<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d</i>	<i>e = a*b*c*d</i>					
1	2	3	15	18,000	1,620,000	Căn cứ công văn số 67/UBND-KT ngày 15/10/2025 của UBND xã Đồng Tâm xác nhận ông Đoàn Minh Tuyên và bà Đỗ Thị Nhân thuộc trường hợp thu hồi đất dưới 30% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn xã Đồng Tâm và không phải duy chuyển chỗ ở *Căn cứ báo cáo số 30/BC-STC ngày 08/5/2026 của Sở Tài chính.				
5. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm										0
TT	Tờ BD	Số thửa	Diện tích đất CLN	Đơn giá theo Bảng giá đất	Hệ số hỗ trợ (lần)	Giá trị hỗ trợ	Ghi chú			
			<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d=a*b*c</i>				
1	TĐ41-2024	25	379.00	0	0	0	Căn cứ công văn số 67/UBND-KT ngày 15/10/2025 của UBND xã Đồng Tâm ông Đoàn Minh Tuyên và bà Đỗ Thị Nhân là đang sử dụng và không có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất thu hồi (hiện trạng đất trống)			
6. Tổng số kinh phí bồi thường, hỗ trợ bổ sung										1,620,000

(Số tiền bằng chữ: Một triệu sáu trăm hai mươi nghìn)

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐỒNG TÂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT

Bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất đối với bà Đinh Thị Thúy Nhân
thuộc dự án Tăng cường khả năng Thoát lũ Suối Rạt
Vị trí đất: Ấp Cầu Rạt, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai
(Kèm theo Quyết định số 1017/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2026)

Mã phương án: 22/PACT-SR.BP-BSL1

I. Thông tin về chủ sử dụng đất; diện tích đất thu hồi:

1) Tên chủ sử dụng đất:

Họ tên: bà Đinh Thị Thúy Nhân; năm sinh: 1980; CCCD số: 0701980008268
Địa chỉ thường trú: Khu phố Phú Xuân, phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai

2) Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi:

a.) Vị trí đất: Ấp Cầu Rạt, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai
- Thông báo thu hồi đất số: 822/TB-UBND ngày 19/8/2025.
- Tờ bản đồ số: TĐ41-2024
- Thửa số: 22

b.) Diện tích đất thu hồi: 441,7 m²

c) Loại đất (MĐSDĐ): Đất trồng cây lâu năm.

d) Đơn giá bồi thường hỗ trợ bổ sung:

* Hỗ trợ ổn định đời sống: Áp dụng theo quy định tại Điều 10. Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
* hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Thực hiện theo Điều 109 Luật Đất đai năm 2024; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; khoản 1 Điều 13 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai

* Đơn giá bồi thường cây trồng:

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định về đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
Căn cứ Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung một số điều của QĐ 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

e) Nguồn gốc đất: Có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CX 867791 do UBND huyện Đồng Phú cấp ngày 14/6/2021.
- Thửa đất số: 919
- Tờ bản đồ số: 32
- Diện tích thửa đất 3.965,6 m²

II. Giá trị bồi thường, hỗ trợ bổ sung:

1. Giá trị bồi thường về đất: Đã phê duyệt tại Quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 (được điều chỉnh bổ sung tại Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 10/02/2026 của UBND xã Đồng Tâm						0
TT	T&RĐ	Số	DT đất thu hồi (m ²)	Đơn giá đất BT(đồng/m ²)	Giá trị bồi thường về đất (đồng)	Ghi chú

STT	Loại cây trồng	thửa	ONT	CLN	ONT	CLN	Tiền bồi thường	Tiền bồi thường	Tổng tiền bồi thường về đất	
			<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d</i>	<i>e = a*c</i>	<i>g=b*d</i>	<i>h = e+g</i>	
1	TĐ42-2024	20				171,000		0	0	Căn cứ thông báo số 426/TB-VPĐK.ĐP ngày 13/11/2025 của chi nhánh VPĐK ĐĐ Chi nhánh Đồng Phú xác định vị trí đất thuộc vị trí 2, phạm vi 1
2. Giá trị bồi thường cây trồng										18,551,400
TT	Loại cây trồng	Số lượng (cây)	Số lượng cây bồi thường	Năm trồng, quy cách	Đơn giá	Tiền BT	Ghi chú			
			<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d=a*c</i>				
1	Vườn nhân giống	441.7	441.7		42,000	18,551,400				
3. Giá trị hỗ trợ nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc										-
STT	Loại nhà	Diện tích	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú					
		<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c=a*b</i>						
1				-						
4. Giá trị hỗ trợ ổn định đời sống:										810,000
TT	Tổng số nhân khẩu	Số tháng hỗ trợ/ 1 nhân khẩu	Số gạo hỗ trợ trong 1 tháng (kg)	Đơn giá gạo (đ/kg)	Giá trị hỗ trợ (đồng)	Ghi chú				
	<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d</i>	<i>e = a*b*c*d</i>					
1	1	3	15	18,000	810,000	Căn cứ giấy xác nhận số 87/UBND-KT ngày 15/10/2025 hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ ổn định đời sống; hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, bà Đinh Thị Thúy Nhân có diện tích đất nông nghiệp thuộc trường hợp thu hồi đất dưới 30% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn xã Đồng Tâm và không phải di chuyển chỗ ở.				
5. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm										0
TT	Tờ BD	Số thửa	Diện tích đất CLN	Đơn giá theo Bảng giá đất	Hệ số hỗ trợ (lần)	Giá trị hỗ trợ	Ghi chú			
			<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d=a*b*c</i>				
1						0	Thuộc khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP của Chính phủ.			
6. Tổng số kinh phí bồi thường, hỗ trợ bổ sung										19,361,400

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐỒNG TÂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT
Bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất đối với ông Lê Văn Minh
thuộc dự án Tăng cường khả năng Thoát lũ Suối Rạt
Vị trí đất: Ấp Cầu Rạt, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai
(Kèm theo Quyết định số 1017/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2026)

Mã phương án: 24/PACT-SR.BP-BSL1

I. Thông tin về chủ sử dụng đất; diện tích đất thu hồi:

1) Tên chủ sử dụng đất:

Họ tên: ông Lê Văn Minh; sinh năm: 1969; CCCD số: 045069000318
cùng vợ là bà Nguyễn Thị Diệu; sinh năm: 1972; CCCD số: 205076370
Địa chỉ thường trú: Tổ 1, Khu phố Tân Trà, phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai.

2) Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi:

a) Vị trí đất: Ấp Cầu Rạt, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai.
- Thông báo thu hồi đất số: 901/TB-UBND ngày 28/8/2025 của UBND xã Đồng Phú.
- Tờ bản đồ số: TĐ42-2024
- Thừa số: 2

b) Diện tích đất thu hồi: 4.062,4 m²

c) Loại đất (MĐSDĐ): Đất trồng cây lâu năm.

d) Đơn giá bồi thường hỗ trợ bổ sung:

* Hỗ trợ ổn định đời sống: Áp dụng theo quy định tại Điều 10 Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
* hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Thực hiện theo Điều 109 Luật Đất đai năm 2024; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; khoản 1 Điều 13 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai
* Đơn giá bồi thường cây trồng:

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định về đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung một số điều của QĐ 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

II. Giá trị bồi thường, hỗ trợ bổ sung:

1. Giá trị bồi thường về đất: Đã phê duyệt tại Quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 (được điều chỉnh bổ sung tại Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 10/02/2026 của UBND xã Đồng Tâm										0
TT	Tờ BD	Số thửa	DT đất thu hồi (m ²)		Đơn giá đất BT(đồng/m ²)		Giá trị bồi thường về đất (đồng)			Ghi chú
			ONT	CLN	ONT	CLN	Tiền bồi thường đất ở	Tiền bồi thường đất NN	Tổng tiền bồi thường về đất	

			<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d</i>	<i>e = a*c</i>	<i>g=b*d</i>	<i>h = e+g</i>	
1	TĐ42-2024	20				171,000		0	0	Căn cứ thông báo số 420/TĐ-VPĐK.ĐP ngày 13/11/2025 của UBND.ĐP Chi nhánh
2. Giá trị bồi thường cây trồng										98,308,080
TT	Loại cây trồng		Số lượng (cây)	Số lượng cây bồi thường	Năm trồng, quy cách	Đơn giá	Tiền BT	Ghi chú		
				<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d=a*c</i>			
1	Cây cao su		162	162	2009	606,840	98,308,080	STT 45, Phụ lục II-Quyết định 48/2025/QĐ-UBND.		
	Cộng						98,308,080			
3. Giá trị hỗ trợ nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc										0
STT	Loại nhà		Diện tích		Đơn giá		Thành tiền	Ghi chú		
			<i>a</i>		<i>b</i>		<i>c=a*b</i>			
1	Không có công trình xây dựng									
4. Giá trị hỗ trợ ổn định đời sống								1,620,000		
TT	Tổng số nhân khẩu	Số tháng hỗ trợ/ 1 nhân khẩu	Số gạo hỗ trợ trong 1 tháng (kg)	Đơn giá gạo (đ/kg)	Giá trị hỗ trợ (đồng)	Ghi chú				
	<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d</i>	<i>e = a*b*c*d</i>					
1	2	3	15	18,000	1,620,000	Căn cứ công văn số 75/UBND-KT ngày 15/10/2025 của UBND xã Đồng Tâm ông Lê Văn Minh cùng vợ là bà Nguyễn Thị Diệu thuộc trường hợp thu hồi đất dưới 30% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn xã Đồng Tâm và không phải duy chuyển chỗ ở *Căn cứ báo cáo số 30/BC-STC ngày 08/5/2026 của Sở Tài chính.				
5. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm										1,096,611,750
TT	Tờ BD	Số thửa	Diện tích đất CLN	Đơn giá theo Bảng giá đất	Hệ số hỗ trợ (lần)	Giá trị hỗ trợ	Ghi chú			
			<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d=a*b*c</i>				
	TĐ42-2024	2	2,495.90	195,000	1.5	730,050,750	Căn cứ công văn số 75/UBND-KT ngày 15/10/2025 của UBND xã Đồng Tâm ông Lê Văn Minh cùng vợ là bà Nguyễn Thị Diệu là đang sử dụng và có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất thu hồi. * Căn cứ GXN số 286/XN-CAX-CSKV ngày 14/5/2026 của công an Phường Bình Phước. * Căn cứ công văn số 36/BHXH-QLT ngày 13/5/2026 của bảo hiểm xã hội cơ sở Bình Phước.			
1			1,566.50	156,000	1.5	366,561,000	*Căn cứ thông báo số 51/TB-VPĐK.ĐP ngày 08/5/2026 về kết quả thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin, hồ sơ dữ liệu đất đai xác định thửa đất thu hồi của ông Lê Văn Minh cùng vợ là bà Nguyễn Thị Diệu thuộc vị trí 1, phạm vi 1 và vị trí 1, phạm vi 2, khu vực nông thôn thuộc loại đường Đồng Tiến - Tân Phú (cũ) - thửa đất số 28, tờ bản đồ số 270 - thửa đất số 209, tờ bản đồ số 290.			

6. Tổng số kinh phí bồi thường, hỗ trợ bổ sung	1,196,539,830
<i>(Số tiền bằng chữ: Một tỷ một trăm chín mươi sáu triệu, năm trăm ba mươi chín nghìn tám trăm ba mươi đồng)</i>	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT

Bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất đối với hộ ông Phạm Văn Thương
thuộc dự án Tăng cường khả năng Thoát lũ Suối Rạt
Vị trí đất: Ấp Cầu Rạt, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai
(Kèm theo Quyết định số 1017/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2026)

Mã phương án: 25/PACT-SR.BP-BSL1

I. Thông tin về chủ sử dụng đất; diện tích đất thu hồi:

1) Tên chủ sử dụng đất:

Họ tên: hộ ông Phạm Văn Thương; sinh năm: 1971; CCCD số: 070071000211
Địa chỉ thường trú: Khu phố Tân Đồng 3, phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai.

2) Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi:

- a) Vị trí đất: Ấp Cầu Rạt, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai.
- Thông báo thu hồi đất số: 905/TB-UBND ngày 28/8/2025 của UBND xã Đồng Phú.
- Tờ bản đồ số: TĐ42-2024
- Thửa số: 6
b) Diện tích đất thu hồi: 413,7 m²
c) Loại đất (MĐSDĐ): Đất trồng cây lâu năm.

d) Đơn giá bồi thường hỗ trợ bổ sung:

* **Hỗ trợ ổn định đời sống:** Áp dụng theo quy định tại Điều 10 Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
* **hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:** Thực hiện theo Điều 109 Luật Đất đai năm 2024; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; khoản 1 Điều 13 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai

* **Đơn giá bồi thường cây trồng:**

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định về đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
Căn cứ Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung một số điều của QĐ 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

II. Giá trị bồi thường, hỗ trợ bổ sung:

1. Giá trị bồi thường về đất: Đã phê duyệt tại Quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 (được điều chỉnh bổ sung tại Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 10/02/2026 của UBND xã Đồng Tâm										0
TT	Tờ BĐ	Số thửa	DT đất thu hồi (m ²)		Đơn giá đất BT(đồng/m ²)		Giá trị bồi thường về đất (đồng)			Ghi chú
			ONT	CLN	ONT	CLN	Tiền bồi thường đất ở	Tiền bồi thường đất NN	Tổng tiền bồi thường về đất	
			a	b	c	d	e = a*c	g=b*d	h = e+g	

1	TĐ42-2024	20				171,000		0	0	Căn cứ thông báo số 426/TB-VPĐK.ĐP ngày 13/11/2025 của
2. Giá trị bồi thường cây trồng										9,102,600
TT	Loại cây trồng		Số lượng (cây)	Số lượng cây bồi thường	Năm trồng, quy cách	Đơn giá	Tiền BT	Ghi chú		
				<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d=a*c</i>			
1	Cây cao su		15	15	2009	606,840	9,102,600	STT 45, Phụ lục II Quyết định 48/2025/QĐ-UBND.		
	Cộng						9,102,600			
3. Giá trị hỗ trợ nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc										0
STT	Loại nhà		Diện tích		Đơn giá		Thành tiền	Ghi chú		
			<i>a</i>		<i>b</i>		<i>c=a*b</i>			
1	Không có công trình xây dựng									
4. Giá trị hỗ trợ ổn định đời sống								810,000		
TT	Tổng số nhân khẩu	Số tháng hỗ trợ/ 1 nhân khẩu	Số gạo hỗ trợ trong 1 tháng (kg)	Đơn giá gạo (đ/kg)	Giá trị hỗ trợ (đồng)		Ghi chú			
	<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d</i>	<i>e = a*b*c*d</i>					
1	1	3	15	18,000	810,000		Căn cứ công văn số 89/UBND-KT ngày 15/10/2025 của UBND xã Đồng Tâm hộ ông Phạm Văn Thương thuộc trường hợp thu hồi đất dưới 30% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn xã Đồng Tâm và không phải duy chuyển chỗ ở *Căn cứ báo cáo số 30/BC-STC ngày 08/5/2026 của Sở Tài chính.			
5. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm										121,007,250
TT	Tờ BD	Số thửa	Diện tích đất CLN	Đơn giá theo Bảng giá đất	Hệ số hỗ trợ (lần)	Giá trị hỗ trợ		Ghi chú		
			<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d=a*b*c</i>				

1	TĐ42-2024	6	413.70	195,000	1.5	121,007,250	Căn cứ công văn số 88/UBND-KT ngày 15/10/2025 của UBND xã Đồng Tâm xác nhận nguồn gốc đất là khai phá năm 1989 (chưa có GCN) đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận. Căn cứ công văn số 89/UBND-KT ngày 15/10/2025 của UBND xã Đồng Tâm hộ ông Phạm Văn Thương là đang sử dụng và có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất thu hồi. * Căn cứ GXN số 293/XN-CAX-CSKV ngày 14/5/2026 của công an Phường Bình Phước. * Căn cứ công văn số 36/BHXX-QLT ngày 13/5/2026 của bảo hiểm xã hội cơ sở Bình Phước. * Căn cứ thông báo số 51/TB-VPĐK.ĐP ngày 08/5/2026 về kết quả thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin, hồ sơ dữ liệu đất đai xác định thửa đất thu hồi của ông Phạm Văn Thương thuộc vị trí 1, phạm vi 1, khu vực nông thôn thuộc loại đường Đồng Tiến - Tân Phú.(cũ) - thửa đất số 28, tờ bản đồ số 270 - thửa đất số 209, tờ bản đồ số 290.
6. Tổng số kinh phí bồi thường, hỗ trợ bổ sung							130,919,850

(Số tiền bằng chữ: Một trăm ba mươi triệu, chín trăm mười chín nghìn, tám trăm năm mươi đồng)

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐỒNG TÂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT

Bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất đối với hộ bà Trần Thị Liên cùng chồng là ông Phạm Quang Tuyền
thuộc dự án Tăng cường khả năng Thoát lũ Suối Rạt
Vị trí đất: Ấp Cầu Rạt, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai
(Kèm theo Quyết định số 1017/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2026)

Mã phương án: 26/PACT-SR.BP-BSL1

I. Thông tin về chủ sử dụng đất; diện tích đất thu hồi:

1) Tên chủ sử dụng đất:

Họ tên: hộ bà Trần Thị Liên; sinh năm: 1965; CCCD số: 034165007623
cùng chồng là ông Phạm Quang Tuyền; sinh năm: 1964; CCCD số: 070064000337
Địa chỉ thường trú: Khu phố Tân Đồng 3, phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai.

2) Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi:

- a) Vị trí đất: Ấp Cầu Rạt, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai.
- Thông báo thu hồi đất số: 815/TB-UBND ngày 19/8/2025 của UBND xã Đồng Phú.
- Tờ bản đồ số: TĐ42-2024
- Thửa số: 7

b) Diện tích đất thu hồi: 5.884,9 m²

c) Loại đất (MĐSDĐ): Đất trồng cây lâu năm.

d) Đơn giá bồi thường hỗ trợ bổ sung:

- * **Hỗ trợ ổn định đời sống:** Áp dụng theo quy định tại Điều 10 Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
- * **hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:** Thực hiện theo Điều 109 Luật Đất đai năm 2024; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; khoản 1 Điều 13 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai
- * **Đơn giá bồi thường cây trồng:**

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định về đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung một số điều của QĐ 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

II. Giá trị bồi thường, hỗ trợ bổ sung:

1. Giá trị bồi thường về đất: Đã phê duyệt tại Quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 (được điều chỉnh bổ sung tại Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 10/02/2026 của UBND xã Đồng Tâm						0
			DT đất thu hồi (m ²)	Đơn giá đất BT(đồng/m ²)	Giá trị bồi thường về đất (đồng)	Ghi chú

TT	Tờ BD	Số thửa	ONT	CLN	ONT	CLN	Tiền bồi thường đất ở	Tiền bồi thường đất NN	Tổng tiền bồi thường về đất	
			<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d</i>	<i>e = a*c</i>	<i>g=b*d</i>	<i>h = e+g</i>	
1	TĐ42-2024	20				171,000		0	0	Căn cứ thông báo số 426/TB-VPEK ĐP ngày 13/11/2025 của
2. Giá trị bồi thường cây trồng										100,128,600
TT	Loại cây trồng			Số lượng (cây)	Số lượng cây bồi thường	Năm trồng, quy cách	Đơn giá	Tiền BT	Ghi chú	
					<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d=a*c</i>		
1	Cây cao su			165	165	2011	606,840	100,128,600		
	Cộng							100,128,600		
3. Giá trị hỗ trợ nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc										0
STT	Loại nhà			Diện tích		Đơn giá		Thành tiền	Ghi chú	
				<i>a</i>		<i>b</i>		<i>c=a*b</i>		
1	Không có công trình xây dựng									
4. Giá trị hỗ trợ ổn định đời sống										5,670,000
TT	Tổng số nhân khẩu	Số tháng hỗ trợ/ 1 nhân khẩu	Số gạo hỗ trợ trong 1 tháng (kg)	Đơn giá gạo (đ/kg)	Giá trị hỗ trợ (đồng)		Ghi chú			
	<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d</i>	<i>e = a*b*c*d</i>					
1	7	3	15	18,000	5,670,000		Căn cứ công văn số 75/UBND-KT ngày 15/10/2025 của UBND xã Đồng Tâm hộ bà Trần Thị Liên cùng chồng là ông Phạm Quang Tuyến thuộc trường hợp thu hồi đất dưới 30% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn xã Đồng Tâm và không phải di chuyển chỗ ở *Căn cứ báo cáo số 30/BC-STC ngày 08/5/2026 của Sở Tài chính.			
5. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm										797,992,440
TT	Tờ BD	Số thửa	Diện tích đất CLN	Đơn giá theo Bảng giá đất	Hệ số hỗ trợ (lần)	Giá trị hỗ trợ		Ghi chú		
			<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d=a*b*c</i>				

1	TĐ42-2024	7	5,884.90	90,400	1.5	797,992,440	Căn cứ công văn số 75/UBND-KT ngày 15/10/2025 của UBND xã Đông Tâm hộ bà Trần Thị Liên cùng chồng là ông Phạm Quang Tuyến là đang sử dụng và có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất thu hồi * Căn cứ GXN số 285/XN-CAP-CSKV ngày 14/5/2026 của công an phường Bình Phước. *Căn cứ công văn số 37/BHXX-QLT ngày 14/5/2026 của bảo hiểm xã hội cơ sở Bình Phước. *Căn cứ thông báo số 51/TB-VPĐK.ĐP ngày 08/5/2026 về kết quả thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin, hồ sơ dữ liệu đất đai xác định thửa đất thu hồi của hộ bà Trần Thị Liên-thuộc đường giao thông liên thôn, liên ấp còn lại - toàn tuyến. vị trí 1, phạm vi 2.
6. Tổng số kinh phí bồi thường, hỗ trợ bổ sung							903,791,040

(Số tiền bằng chữ: Chín trăm linh ba triệu, bảy trăm chín mươi một nghìn không trăm bốn mươi đồng)

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT

Bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất đối với hộ bà Trần Thị Liên cùng chồng là ông Phạm Quang Tuyến
thuộc dự án Tăng cường khả năng Thoát lũ Suối Rạt

Vị trí đất: Ấp Cầu Rạt, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai
(Kèm theo Quyết định số 1017/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2026)

Mã phương án: 27/PACT-SR.BP-BSL1

I. Thông tin về chủ sử dụng đất; diện tích đất thu hồi:

1) Tên chủ sử dụng đất:

Họ tên: hộ bà Nguyễn Thị Bưởi; năm sinh: 1966; CCCD số: 049166001069
Địa chỉ thường trú: Ấp Cầu Rạt, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai.

2) Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi:

- a) Vị trí đất: Ấp Cầu Rạt, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai.
- Thông báo thu hồi đất số: 816/TB-UBND ngày 19/8/2025 của UBND xã Đồng Phú.
- Tờ bản đồ số: TĐ42-2024
- Thửa số: 9

b) Diện tích đất thu hồi: 2.341,4 m²

c) Loại đất (MĐSDĐ): Đất trồng cây lâu năm.

d) Đơn giá bồi thường hỗ trợ bổ sung:

* Hỗ trợ ổn định đời sống: Áp dụng theo quy định tại Điều 10 Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

* hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Thực hiện theo Điều 109 Luật Đất đai năm 2024; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; khoản 1 Điều 13 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai

* Đơn giá bồi thường cây trồng:

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định về đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung một số điều của QĐ 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

e) Nguồn gốc đất: Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 958724 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 30/3/2024.

- Thửa đất số: 337
- Tờ bản đồ số: 40
- Diện tích thửa đất 30.013,5 m²

II. Giá trị bồi thường, hỗ trợ bổ sung:

1. Giá trị bồi thường về đất: Đã phê duyệt tại Quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 (được điều chỉnh bổ sung tại Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 10/02/2026 của UBND xã Đồng Tâm						0
		Số	DT đất thu hồi (m ²)	Đơn giá đất BT(đồng/m ²)	Giá trị bồi thường về đất (đồng)	Ghi chú

TT	Tờ BD	thửa	ONT	CLN	ONT	CLN	Tiền bồi thường đất ở	Tiền bồi thường đất NN	Tổng tiền bồi thường về đất	
			<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d</i>	<i>e = a*c</i>	<i>g=b*d</i>	<i>h = e+g</i>	
1	TĐ42-2024	20				171,000		0	0	Căn cứ thông báo số 426/TB-VPĐK.ĐP ngày 13/11/2025 của chi nhánh VPĐK ĐĐ Chi nhánh
2. Giá trị bồi thường cây trồng										60,684,000
TT	Loại cây trồng			Số lượng (cây)	Số lượng cây bồi thường	Năm trồng, quy cách	Đơn giá	Tiền BT	Ghi chú	
					<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d=a*c</i>		
1	Cây cao su			100	100	2010	606,840	60,684,000		
	Cộng							60,684,000		
3. Giá trị hỗ trợ nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc										0
STT	Loại nhà			Diện tích		Đơn giá		Thành tiền	Ghi chú	
				<i>a</i>		<i>b</i>		<i>c=a*b</i>		
1	Không có công trình xây dựng									
4. Giá trị hỗ trợ ổn định đời sống										5,670,000
TT	Tổng số nhân khẩu	Số tháng hỗ trợ/ 1 nhân khẩu	Số gạo hỗ trợ trong 1 tháng (kg)		Đơn giá gạo (đ/kg)	Giá trị hỗ trợ (đồng)		Ghi chú		
	<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>		<i>d</i>	<i>e = a*b*c*d</i>				
1	7	3	15		18,000	5,670,000		Căn cứ công văn số 97/UBND-KT ngày 15/10/2025 của UBND xã Đồng Tâm hộ bà Nguyễn Thị Bưởi thuộc trường hợp thu hồi đất dưới 30% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn xã Đồng Tâm và không phải di chuyển chỗ ở * Căn cứ GXN nhân khẩu của công an xã Đồng Tâm. *Căn cứ báo cáo số 30/BC-STC ngày 08/5/2026 của Sở Tài chính.		
5. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm										547,887,600
TT	Tờ BD	Số thửa	Diện tích đất CLN	Đơn giá theo Bảng giá đất	Hệ số hỗ trợ (lần)	Giá trị hỗ trợ		Ghi chú		
			<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d=a*b*c</i>				

1	TĐ42-2024	9	2,341.40	156,000	1.5	547,887,600	Căn cứ công văn số 79/UBND-KT ngày 15/10/2025 của UBND xã Đồng Tâm hộ bà Nguyễn Thị Bưởi là đang sử dụng và có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất thu hồi, đồng thời không thuộc đối tượng tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của chính phủ. *Căn cứ thông báo số 51/TB-VPĐK.ĐP ngày 08/5/2026 về kết quả thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin, hồ sơ dữ liệu đất đai xác định thửa đất thu hồi của hộ bà Nguyễn Thị Bưởi thuộc vị trí 1, phạm vi 2, khu vực nông thôn thuộc loại đường Đồng Tiến - Tân Phú (cũ) - thửa đất số 28, tờ bản đồ số 270 - thửa đất số 209, tờ bản đồ số 290.
6. Tổng số kinh phí bồi thường, hỗ trợ bổ sung <i>(Số tiền bằng chữ : Sáu trăm mười bốn triệu, hai trăm bốn mươi một nghìn sáu trăm đồng)</i>							614,241,600

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐỒNG TÂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT

Bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất đối với bà Nguyễn Thị Lý cùng chồng là ông Giang Xuân Sơn thuộc dự án Tăng cường khả năng Thoát lũ Suối Rạt

Vị trí đất: Ấp Cầu Rạt, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai
(Kèm theo Quyết định số 1017/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2026)

Mã phương án: 30/PACT-SR.BP-BSL1

I. Thông tin về chủ sử dụng đất; diện tích đất thu hồi:

1) Tên chủ sử dụng đất:

Họ tên: bà Nguyễn Thị Lý; sinh năm: 1970; CCCD số: 034170007583
cùng chồng là ông Giang Xuân Sơn; năm sinh: 1961; CCCD số: 285639532
Địa chỉ thường trú: Khu phố Phú Xuân, phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai.

2) Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi:

a) Vị trí đất: Ấp Cầu Rạt, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai.
- Thông báo thu hồi đất số: 897/TB-UBND ngày 28/8/2025 của UBND xã Đồng Phú.
- Tờ bản đồ số: TĐ42-2024
- Thửa số: 15

b) Diện tích đất thu hồi: 489,9 m²

c) Loại đất (MĐSDĐ): Đất trồng cây lâu năm.

d) Đơn giá bồi thường hỗ trợ bổ sung:

* Hỗ trợ ổn định đời sống: Áp dụng theo quy định tại Điều 10 Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
* hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Thực hiện theo Điều 109 Luật Đất đai năm 2024; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; khoản 1 Điều 13 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai

* Đơn giá bồi thường cây trồng:

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định về đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung một số điều của QĐ 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

e) Nguồn gốc đất: Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số QĐ 03476 do UBND huyện Đồng Phú cấp ngày 06/11/2018.

- Thửa đất số: 180
- Tờ bản đồ số: 40
- Diện tích thửa đất 9.381,1 m²

II. Giá trị bồi thường, hỗ trợ bổ sung:

1. Giá trị bồi thường về đất: Đã phê duyệt tại Quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 (được điều chỉnh bổ sung tại Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 10/02/2026 của UBND xã Đồng Tâm	
2. Giá trị bồi thường cây trồng	16,384,680

TT	Loại cây trồng	Số lượng (cây)	Số lượng cây bồi thường	Năm trồng, quy cách	Đơn giá	Tiền BT	Ghi chú
			<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d=a*c</i>	
1	Cây cao su	34	27	2010	606,840	16,384,680	STT 45, Phụ lục II Quyết định 48/2025/QĐ-UBND. Vượt mật độ 7 cây.
	Cộng					16,384,680	
3. Giá trị hỗ trợ nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc							0
STT	Loại nhà	Diện tích		Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú	
		<i>a</i>		<i>b</i>	<i>c=a*b</i>		
1	Không có công trình xây dựng						
4. Giá trị hỗ trợ ổn định đời sống							1,620,000
TT	Tổng số nhân khẩu	Số tháng hỗ trợ/ 1 nhân khẩu	Số gạo hỗ trợ trong 1 tháng (kg)	Đơn giá gạo (đ/kg)	Giá trị hỗ trợ (đồng)	Ghi chú	
	<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d</i>	<i>e = a*b*c*d</i>		
1	2	3	15	18,000	1,620,000	Căn cứ công văn số 63/UBND-KT ngày 15/10/2025 của UBND xã Đồng Tâm bà Nguyễn Thị Lý cùng chồng là ông Giang Xuân Sơn thuộc trường hợp thu-hồi đất dưới 30% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn xã Đồng Tâm và không phải duy chuyển chỗ ở *Căn cứ báo cáo số 30/BC-STC ngày 08/5/2026 của Sở Tài chính.	
5. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm							0
TT	Tờ BD	Số thửa	Diện tích đất CLN	Đơn giá theo Bảng giá đất	Hệ số hỗ trợ (lần)	Giá trị hỗ trợ	Ghi chú
			<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d=a*b*c</i>	
1	TĐ42-2024	15	489.90	0	0	0	Căn cứ giấy xác nhận số 291/XN-CAP-CSKV ngày 14/5/2026 của công an phường Bình Phước xác nhận Bà Nguyễn Thị Lý và ông Giang Xuân Sơn thuộc trường hợp tại Điểm a,b,c khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP.
6. Tổng số kinh phí bồi thường, hỗ trợ bổ sung							18,004,680

(Số tiền bằng chữ : Mười tám triệu, không trăm linh bốn nghìn, sáu trăm tám mươi đồng)

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT

Bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất đối với ông Lý Thế Phương
thuộc dự án Tăng cường khả năng Thoát lũ Suối Rạt
Vị trí đất: Ấp Cầu Rạt, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai
(Kèm theo Quyết định số 1017/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2026)

Mã phương án: 31/PACT-SR.BP-BSL1

I. Thông tin về chủ sử dụng đất; diện tích đất thu hồi:

1) Tên chủ sử dụng đất:

Họ tên: ông Lý Thế Phương; năm sinh: 1993; CCCD số: 070093007771
Địa chỉ thường trú: phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai.

2) Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi:

a) Vị trí đất: Ấp Cầu Rạt, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai
- Thông báo thu hồi đất số: 827/TB-UBND ngày 19/8/2025.
- Tờ bản đồ số: TD42-2024
- Thửa số: 16

b) Diện tích đất thu hồi: 577,5 m²

c) Loại đất (MĐSDĐ): Đất trồng cây lâu năm.

d) Đơn giá bồi thường hỗ trợ bổ sung:

* **Hỗ trợ ổn định đời sống:** Áp dụng theo quy định tại Điều 10 Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

* **hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:** Thực hiện theo Điều 109 Luật Đất đai năm 2024; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; khoản 1 Điều 13 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai

* **Đơn giá bồi thường cây trồng:**

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định về đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng-khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung một số điều của QĐ 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

e) **Nguồn gốc đất:** Có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CN2431 do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Đồng Phú cấp ngày 25/8/2025.

- Thửa đất số: 230
- Tờ bản đồ số: 40
- Diện tích thửa đất 12.380,1 m²

II. Giá trị bồi thường, hỗ trợ bổ sung:

1. Giá trị bồi thường về đất: Đã phê duyệt tại Quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 (được điều chỉnh bổ sung tại Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 10/02/2026 của UBND xã Đồng Tâm

TT	Tờ BD	Số thửa	DT đất thu hồi (m ²)		Đơn giá đất BT(đồng/m ²)		Giá trị bồi thường về đất (đồng)			Ghi chú
			ONT	CLN	ONT	CLN	Tiền bồi thường đất ở	Tiền bồi thường đất NN	Tổng tiền bồi thường về đất	
			<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d</i>	<i>e = a*c</i>	<i>g=b*d</i>	<i>h = e+g</i>	
1	TĐ42-2024	20				171,000		0	0	Căn cứ thông báo số 426/TB-VPĐK.ĐP ngày 13/11/2025 của chi nhánh VPĐK ĐĐ Chi nhánh Đồng Phú xác định vị trí đất thuộc vị trí 2, phạm vi 1
2. Giá trị bồi thường cây trồng										0
TT	Loại cây trồng		Số lượng (cây)	Số lượng cây bồi thường	Năm trồng, quy cách	Đơn giá	Tiền BT	Ghi chú		
				<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d=a*c</i>			
	Đất trống		0	0	0	-	-			
3. Giá trị hỗ trợ nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc										-
STT	Loại nhà		Diện tích		Đơn giá		Thành tiền	Ghi chú		
			<i>a</i>		<i>b</i>		<i>c=a*b</i>			
1	Không có công trình xây dựng									
4. Giá trị hỗ trợ ổn định đời sống:								810,000		
TT	Tổng số nhân khẩu	Số tháng hỗ trợ/ 1 nhân khẩu	Số gạo hỗ trợ trong 1 tháng (kg)	Đơn giá gạo (đ/kg)	Giá trị hỗ trợ (đồng)		Ghi chú			
	<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d</i>	<i>e = a*b*c*d</i>					
1	1	3	15	18,000	810,000					
5. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm										0
TT	Tờ BD	Số thửa	Diện tích đất CLN	Đơn giá theo Bảng giá đất	Hệ số hỗ trợ (lần)	Giá trị hỗ trợ		Ghi chú		
			<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d=a*b*c</i>				
1						0				
6. Tổng số kinh phí bồi thường, hỗ trợ bổ sung										810,000

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐỒNG TÂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT

Bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất đối với hộ bà Trần Thị Thanh Xuân
Vị trí đất: Ấp Cầu Rạt, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai
(Kèm theo Quyết định số 1017/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2026)

Mã phương án: 32/PACT-SR.BP-BSL1

1) Tên chủ sử dụng đất:

Họ tên: hộ bà Trần Thị Thanh Xuân; năm sinh: 1963; CCCD số: 070163004614
Địa chỉ thường trú: Ấp Cầu Rạt, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai.

2) Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi:

a) Vị trí đất: Ấp Cầu Rạt, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai.
- Thông báo thu hồi đất số: 828/TB-UBND ngày 19/8/2025 của UBND xã Đồng Phú.
- Tờ bản đồ số: TĐ42-2024
- Thửa số: 17

b) Diện tích đất thu hồi: 449,1 m²

c) Loại đất (MĐSDĐ): Đất trồng cây lâu năm.

d) Đơn giá bồi thường hỗ trợ bổ sung:

* Hỗ trợ ổn định đời sống: Áp dụng theo quy định tại Điều 10 Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
* hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Thực hiện theo Điều 109 Luật Đất đai năm 2024; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; khoản 1 Điều 13 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai

* Đơn giá bồi thường cây trồng:

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định về đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
Căn cứ Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung một số điều của QĐ 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

e) Nguồn gốc đất: Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 321587 do UBND huyện Đồng Phú cấp ngày 28/5/2019.

- Thửa đất số: 200
- Tờ bản đồ số: 40
- Diện tích thửa đất 11.523,7 m²

II. Giá trị bồi thường, hỗ trợ bổ sung:

1. Giá trị bồi thường về đất: Đã phê duyệt tại Quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 (được điều chỉnh bổ sung tại Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 10/02/2026 của UBND xã Đồng Tâm						0
		Số	DT đất thu hồi (m ²)	Đơn giá đất BT(đồng/m ²)	Giá trị bồi thường về đất (đồng)	Ghi chú

TT	Tờ BD	Số thửa	ONT	CLN	ONT	CLN	Tiền bồi thường đất ở	Tiền bồi thường đất NN	Tổng tiền bồi thường về đất	
			<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d</i>	<i>e = a*c</i>	<i>g=b*d</i>	<i>h = e+g</i>	
1	TĐ42-2024	20				171,000		0	0	Căn cứ thông báo số 426/TB-
2. Giá trị bồi thường cây trồng										17,664,810
TT	Loại cây trồng			Số lượng (cây)	Số lượng cây bồi thường	Năm trồng, quy cách	Đơn giá	Tiền BT	Ghi chú	
					<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d=a*c</i>		
1	Cây cao su			09	09	2010	606,840	5,461,560		
2	Cây cao su			04	04	2021	341,123	1,364,492	giảm 260,324 đồng do xác định sai năm trồng nên tính sai đơn giá cây cao su	
3	Cây điều			14	14	2019	774,197	10,838,758		
	Cộng							17,664,810		
	Cây cao su trồng năm 2010 và năm 2021 là cây trồng chính theo mật độ chuẩn					21	606,840	12,743,640		
						4	341,123	1,364,492		
	Tổng							14,108,132		
	1,5 lần giá trị cây trồng chính							21,162,198	Vì tổng số tiền cây trồng trên diện tích thu hồi nhỏ hơn 1,5 lần giá trị cây trồng chính nên giá trị bồi	
	Tổng số tiền cây được bồi thường							17,664,810		
	Cộng							17,664,810		
3. Giá trị hỗ trợ nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc										0
STT	Loại nhà			Diện tích		Đơn giá		Thành tiền	Ghi chú	
				<i>a</i>		<i>b</i>		<i>c=a*b</i>		
1	Không-có công trình xây dựng									
4. Giá trị hỗ trợ ổn định đời sống										810,000
TT	Tổng số nhân khẩu	Số tháng hỗ trợ/ 1 nhân khẩu	Số gạo hỗ trợ trong 1 tháng (kg)	Đơn giá gạo (đ/kg)	Giá trị hỗ trợ (đồng)		Ghi chú			
	<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d</i>	<i>e = a*b*c*d</i>					
1	1	3	15	18,000	810,000		Căn cứ công văn số 79/UBND-KT ngày 15/10/2025 của UBND xã Đồng Tâm hộ bà Trần Thị Thanh Xuân thuộc trường hợp thu hồi đất dưới 30% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn xã Đồng Tâm và không phải duy chuyển chỗ ở *Căn cứ báo cáo số 254/BC-STC ngày 03/3/2026 của Sở Tài chính.			
5. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm										105,089,400
TT	Tờ BD	Số thửa	Diện tích đất CLN	Đơn giá theo Bảng giá đất	Hệ số hỗ trợ (lần)	Giá trị hỗ trợ		Ghi chú		
			<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d=a*b*c</i>				

1	TĐ42-2024	17	449.10	156,000	1.5	105,089,400	Căn cứ công văn số 79/UBND-KT ngày 15/10/2025 của UBND xã Đồng Tâm hộ bà Trần Thị Thanh Xuân là đang sử dụng và có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất thu hồi, đồng thời không thuộc đối tượng tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của chính phủ. *Căn cứ thông báo số 51/TB-VPĐK.ĐP ngày 08/5/2026 về kết quả thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin, hồ sơ dữ liệu đất đai xác định thửa đất thu hồi của bà Trần Thị Thanh Xuân thuộc vị trí 1, phạm vi 2, khu vực nông thôn thuộc loại đường Đồng Tiến - Tân Phú (cũ) - thửa đất số 28, tờ bản đồ số 270 - thửa đất số 209, tờ bản đồ số 290.
6. Tổng số kinh phí bồi thường, hỗ trợ bổ sung							123,564,210

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐỒNG TÂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT
Bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất đối với ông Trần Minh Dũng
thuộc dự án Tăng cường khả năng Thoát lũ Suối Rạt
Vị trí đất: Ấp Cầu Rạt, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai
(Kèm theo Quyết định số 1017/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2026)

Mã phương án: 33/PACT-SR.BP-BSL1

1) Tên chủ sử dụng đất:

Họ tên: ông Trần Minh Dũng; năm sinh: 1993; CCCD số: 070093006154
Địa chỉ thường trú: Khu phố Phước An, phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai.

2) Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi:

a) Vị trí đất: Ấp Cầu Rạt, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai.

- Thông báo thu hồi đất số: 820/TB-UBND ngày 19/8/2025 của UBND xã Đồng Tâm.
- Tờ bản đồ số: TĐ42-2024
- Thửa số: 19

b) Diện tích đất thu hồi: 1.647,2 m²

c) Loại đất (MĐSDĐ): Đất trồng cây lâu năm.

d) Đơn giá bồi thường hỗ trợ bổ sung:

* **Hỗ trợ ổn định đời sống:** Áp dụng theo quy định tại Điều 10 Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

* **hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm-kiếm việc làm:** Thực hiện theo Điều 109 Luật Đất đai năm 2024; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; khoản 1 Điều 13 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai

* **Đơn giá bồi thường cây trồng:**

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định về đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung một số điều của QĐ 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

e) **Nguồn gốc đất:** Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ĐĐ 001622 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 08/02/2022.

- Thửa đất số: 413
- Tờ bản đồ số: 40
- Diện tích thửa đất 4.527,7 m²

II. Giá trị bồi thường, hỗ trợ bổ sung:

1. Giá trị bồi thường về đất: Đã phê duyệt tại Quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 (được điều chỉnh bổ sung tại Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 10/02/2026 của UBND xã Đồng Tâm										
TT	Tờ BD	Số thửa	DT đất thu hồi (m ²)		Đơn giá đất BT(đồng/m ²)		Giá trị bồi thường về đất (đồng)			Ghi chú
			ONT	CLN	ONT	CLN	Tiền bồi thường đất ă	Tiền-bồi thường đất NN	Tổng tiền bồi thường về đất	

			<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d</i>	<i>e = a*c</i>	<i>g=b*d</i>	<i>h = e+g</i>	
1	TĐ42-2024	20				171,000		0	0	Căn cứ thông báo số 426/TB-VPĐK.ĐP ngày 13/11/2025 của chi nhánh VPĐK ĐĐ Chi nhánh Đồng Phú xác định vị trí đất thuộc vị trí 2; phạm vi 1
2. Giá trị bồi thường cây trồng										6,452,403
TT	Loại cây trồng		Số lượng (cây)	Số lượng cây bồi thường	Năm trồng, quy cách	Đơn giá	Tiền BT	Ghi chú		
1	Cây dó bầu		26	26	2025	130,283	3,387,358			
2	Cây điều		09	09	2025	255,500	2,299,500			
3	Tre tàu		1	1	2010	42,000	42,000	tính theo bụi		
4	Cây giá tỵ		01	01	d=29cm	723,545	723,545			
	Cộng						6,452,403			
	Cây điều là cây trồng chính theo mật độ chuẩn			30	2025	255,500	7,665,000			
	1,5 lần giá trị cây trồng chính						11,497,500			
	Tổng số tiền cây được bồi thường						6,452,403	Vì tổng số tiền cây trồng trên diện tích thu hồi nhỏ hơn 1,5 lần giá trị cây trồng chính nên giá trị bồi thường cây trồng = Tổng số tiền cây trồng trên diện tích thu hồi		
3. Giá trị hỗ trợ nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc										0
STT	Loại nhà		Diện tích		Đơn giá		Thành tiền	Ghi chú		
			a		b		c=a*b			
1	Không có công trình xây dựng									
4. Giá trị hỗ trợ ổn định đời sống								810,000		
TT	Tổng số nhân khẩu	Số tháng hỗ trợ/ 1 nhân khẩu	Số gạo hỗ trợ trong 1 tháng (kg)	Đơn giá gạo (đ/kg)	Giá trị hỗ trợ (đồng)		Ghi chú			
	a	b	c	d	e = a*b*c*d					

1	1	3	15	18,000	810,000	Căn cứ công văn số 61/UBND-KT ngày 15/10/2025 của UBND xã Đồng	
5. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm							476,652,150
TT	Tờ BD	Số thửa	Diện tích đất CLN	Đơn giá theo Bảng giá đất	Hệ số hỗ trợ (lần)	Giá trị hỗ trợ	Ghi chú
			<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d=a*b*c</i>	
			88.1	156,000	1.5	20,615,400	
1	TĐ42-2024	19	1,559.10	195,000	1.5	456,036,750	Tâm ông Trần Minh Dũng là đang sử dụng và có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất thu hồi * Căn cứ GXN số 289/XN-CAP-CSKV ngày 14/5/2026 của công an Phường Bình Phước. *Căn cứ thông báo số 51/TB-VPĐK.ĐP ngày 08/5/2026 về kết quả thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin, hồ sơ dữ liệu đất đai xác định thửa đất thu hồi của ông Trần Minh Dũng-thuộc vị trí 1,Phạm vi 1 và vị trí 1, Phạm vi 2 khu vực nông thôn thuộc loại đường Đồng Tiến - Tân Phú (cũ) - thửa đất số 28, tờ bản đồ số 270 - thửa đất số 209, tờ bản đồ số 290. * Căn cứ công văn số 36/BHXX-QLT ngày 13/5/2026 của bảo hiểm xã hội cơ sở Bình Phước.
6. Tổng số kinh phí bồi thường, hỗ trợ bổ sung							483,914,553

(Số tiền bằng chữ : Bốn trăm tám mươi ba triệu chín trăm mười bốn nghìn năm trăm năm mươi ba đồng)

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT

Bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất đối với ông Hồ Sỹ Song
thuộc dự án Tăng cường khả năng Thoát lũ Suối Rạt
Vị trí đất: Ấp Cầu Rạt, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai
(Kèm theo Quyết định số 1017/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2026)

Mã phương án: 34/PACT-SR.BP-BSL1

I. Thông tin về chủ sử dụng đất; diện tích đất thu hồi:

1) Tên chủ sử dụng đất:

Họ tên: ông Hồ Sỹ Song; năm sinh: 1978; CCCD số: 040078004268
Địa-chỉ thường trú: Ấp Cầu Rạt, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai.

2) Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi:

a) Vị trí đất: Ấp Cầu Rạt, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai
- Thông báo thu hồi đất số: 814/TB-UBND ngày 19/8/2025.
- Tờ bản đồ số: TĐ42-2024
- Thửa số: 20

b) Diện tích đất thu hồi: 684,7 m²

c) Loại đất (MĐSDĐ): Đất trồng cây lâu năm.

d) Đơn giá bồi thường hỗ trợ bổ sung:

* Hỗ trợ ổn định đời sống: Áp dụng theo quy định tại Điều 10 Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

* hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Thực hiện theo Điều 109 Luật Đất đai năm 2024; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; khoản 1 Điều 13 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng

* Đơn giá bồi thường cây trồng:

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định về đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung một số điều của QĐ 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

e) Nguồn gốc đất: Co Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: (CS)030309/1 an Phước do Sở 1 ai nguyên và moi trường tinn BINH Phước, cấp ngày 09/11/2020.

- Thửa đất số: 330

- Tờ bản đồ số: 40

- Diện tích thửa đất 1 008 0 m²

II. Giá trị bồi thường, hỗ trợ bổ sung:

1. Giá trị bồi thường về đất: Đã phê duyệt tại Quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 (được điều chỉnh bổ sung tại Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 10/02/2026 của UBND xã Đồng Tâm						0
	Số	DT đất thu hồi (m ²)	Đơn giá đất BT(đồng/m ²)	Giá trị bồi thường về đất (đồng)	Ghi chú	

TT	Tờ BD	thửa	ONT	CLN	ONT	CLN	Tiền bồi thường đất ở	Tiền bồi thường đất NN	Tổng tiền bồi thường về đất	
			a	b	c	d	$e = a * c$	$g = b * d$	$h = e + g$	
1	TĐ42-2024	20				171,000		0	0	Căn cứ thông báo số 426/TB-VPĐK.ĐP ngày 13/11/2025 của chi nhánh VPĐK ĐĐ Chi nhánh Đồng Phú xác định vị trí đất thuộc vị trí 2, phạm vi 1
2. Giá trị bồi thường cây trồng										0
TT	Loại cây trồng			Số lượng (cây)	Số lượng cây bồi thường	Năm trồng, quy cách	Đơn giá	Tiền BT	Ghi chú	
					a	b	c	$d = a * c$		
	Đất trống			0	0	0	-	-		
3. Giá trị hỗ trợ nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc										-
STT	Loại nhà			Diện tích		Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú		
				a		b	$c = a * b$			
1	Không có công trình xây dựng									
4. Giá trị hỗ trợ ổn định đời sống								810,000		
TT	Tổng số nhân khẩu	Số tháng hỗ trợ/ 1 nhân khẩu	Số gạo hỗ trợ trong 1 tháng (kg)	Đơn giá gạo (đ/kg)	Giá trị hỗ trợ (đồng)	Ghi chú				
	a	b	c	d	$e = a * b * c * d$	$810,000$				
1	1	3	15	18,000	810,000	Căn cứ công văn số 73/UBND-KT ngày 15/10/2025 của UBND xã Đồng Tâm xác nhận ông Hồ Sỹ Song thuộc trường hợp thu hồi đất dưới 30% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn xã Đồng Tâm và không phải di chuyển chỗ ở *Căn cứ báo cáo số 30/BC-STC ngày 08/5/2026 của Sở Tài chính.				
5. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm										0
TT	Tờ BD	Số thửa	Diện tích đất CLN	Đơn giá theo Bảng giá đất	Hệ số hỗ trợ (lần)	Giá trị hỗ trợ	Ghi chú			
			a	b	c	$d = a * b * c$				
1						0	đất trống			
6. Tổng số kinh phí bồi thường, hỗ trợ bổ sung										810,000

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT

Bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất đối với ông Trần Công Duy
thuộc dự án Tăng cường khả năng Thoát lũ Suối Rạt
Vị trí đất: Ấp Cầu Rạt, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai
(Kèm theo Quyết định số 1017/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2026)

Mã phương án: 36/PACT-SR.BP-BSL1

I. Thông tin về chủ sử dụng đất; diện tích đất thu hồi:

1) Tên chủ sử dụng đất:

Họ tên: ông Trần Công Duy; năm sinh: 1998; CCCD số: 070098009161
Địa chỉ thường trú: Khu phố Phước An, phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai.

2) Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi:

a) Vị trí đất: Ấp Cầu Rạt, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai.
- Thông báo thu hồi đất số: 819/TB-UBND ngày 19/8/2025 của UBND xã Đồng Phú.
- Tờ bản đồ số: TĐ42-2024
- Thửa số: 18

b) Diện tích đất thu hồi: 1.650,2 m²

c) Loại đất (MĐSDĐ): Đất trồng cây lâu năm.

d) Đơn giá bồi thường hỗ trợ bổ sung:

* Hỗ trợ ổn định đời sống: Áp dụng theo quy định tại Điều 10 Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
* hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Thực hiện theo Điều 109 Luật Đất đai năm 2024; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; khoản 1 Điều 13 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai
* Đơn giá bồi thường cây trồng:

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định về đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung một số điều của QĐ 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

e) Nguồn gốc đất: Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 867704 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 16/12/2020.

- Thửa đất số: 327
- Tờ bản đồ số: 40
- Diện tích thửa đất 11.337,2 m²

II. Giá trị bồi thường, hỗ trợ bổ sung:

1. Giá trị bồi thường về đất: Đã phê duyệt tại Quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 (được điều chỉnh bổ sung tại Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 10/02/2026 của UBND xã Đồng Tâm						0
TT	TÊN ĐN	Số	DT đất thu hồi (m ²)	Đơn giá đất BT(đồng/m ²)	Giá trị bồi thường về đất (đồng)	Ghi chú

TT	TỜ ĐƠN	thửa	ONT	CLN	ONT	CLN	Tiền bồi thường	Tiền bồi thường	Tổng tiền bồi thường về đất	
			<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d</i>	<i>e = a*c</i>	<i>g=b*d</i>	<i>h = e+g</i>	
1	TĐ42-2024	20				171,000		0	0	Căn cứ thông báo số 420/TĐ-VPhK.ĐP ngày 13/11/2025 của Chi nhánh UBND TP. Hồ Chí Minh
2. Giá trị bồi thường cây trồng										19,805,852
TT	Loại cây trồng			Số lượng (cây)	Số lượng cây bồi thường	Năm trồng, quy cách	Đơn giá	Tiền BT	Ghi chú	
					<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d=a*c</i>		
1	Cây cao su			94	92	2023	215,281	19,805,852	Vượt mật độ 2 cây (giảm 5.313.879 do tính sai năm trồng cây cao su do vậy giá cây trồng tính sai)	
	Cộng							19,805,852		
3. Giá trị hỗ trợ nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc										0
STT	Loại nhà			Diện tích		Đơn giá		Thành tiền	Ghi chú	
				<i>a</i>		<i>b</i>		<i>c=a*b</i>		
1	Không có công trình xây dựng									
4. Giá trị hỗ trợ ổn định đời sống										810,000
TT	Tổng số nhân khẩu	Số tháng hỗ trợ/ 1 nhân khẩu	Số gạo hỗ trợ trong 1 tháng (kg)	Đơn giá gạo (đ/kg)	Giá trị hỗ trợ (đồng)		Ghi chú			
	<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d</i>	<i>e = a*b*c*d</i>					
1	1	3	15	18,000	810,000		Căn cứ công văn số 93/UBND-KT ngày 15/10/2025 của UBND xã Đồng Tâm ông Trần Công Duy thuộc trường hợp thu hồi đất dưới 30% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn xã Đồng Tâm và không phải di chuyển chỗ ở *Căn cứ báo cáo số 254/BC-STC ngày 03/3/2026 của Sở Tài chính.			
5. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm										0
TT	TỜ ĐƠN	Số thửa	Diện tích đất CLN	Đơn giá theo Bảng giá đất	Hệ số hỗ trợ (lần)	Giá trị hỗ trợ		Ghi chú		
			<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d=a*b*c</i>				
1	TĐ42-2024	18	1,650.20	0	0	0				
6. Tổng số kinh phí bồi thường, hỗ trợ bổ sung										20,615,852

(Số tiền bằng chữ: Hai mươi triệu, sáu trăm mười lăm nghìn, tám trăm năm mươi hai đồng)